

HOÁ ĐƠN

Họ tên khách hàng: Nguyễn Vương

TT	TÊN SẢN PHẨM	Kích thước 1	Kích thước 2	ĐƠN VỊ TÍNH	DIỆN TÍCH (mét vuông)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	DHL2C	1945	2617	Mét vuông	5	1	2.700.000	13.743.176
2	D4DC2C	1200	2185	Mét vuông	3	1	2.700.000	7.079.400
3	D1D1	900	2100	Mét vuông	2	5	2.700.000	25.515.000
4	DWC2	800	1950	Mét vuông	2	2	2.700.000	8.424.000
5	SWC1	800	400	Mét tới		2	1.500.000	3.000.000
6	S1MTT	2000	1680	Mét vuông	3	1	1.900.000	6.384.000
7	S2DK	1600	1400	Mét vuông	2	2	1.900.000	8.512.000
8	S3	1200	1400	Mét vuông	2	6	1.900.000	19.152.000
9	Lam buồng	4300	400	Mét tới	4	1	850.000	3.655.000
10	Lam buồng	2700	400	Mét tới	3	2	850.000	4.590.000
11	Lam buồng	2200	400	Mét tới	2	1	850.000	1.870.000
12	Cửa thủy lực	2700	2863	Mét vuông	8	1	5.700.000	44.061.570
13	Bông bảo vệ	1600	1400	Mét vuông	2	2	500.000	2.240.000
14	Bông bảo vệ	2000	1680	Mét vuông	3	1	500.000	1.680.000
15	Bông bảo vệ	1200	1400	Mét vuông	2	6	500.000	5.040.000
16	Cổng Rào CNC	3060	3000	Mét vuông	9	1	3.800.000	34.884.000
17	Khung Bông 1	1200	1200	Mét vuông	1	1	3.300.000	4.752.000
	Khung Bông 2	1210	1210	Mét vuông	1	1	3.300.000	4.831.530
	Khung Bông 3	1360	1210	Mét vuông	2	1	3.300.000	5.430.480
	Khung Bông 4	1360	1200	Mét vuông	2	1	3.300.000	5.385.600
	Khung Bông 5	1420	1200	Mét vuông	2	1	3.300.000	5.623.200
	Khung Bông 6	1530	1190	Mét vuông	2	1	3.300.000	6.008.310
	Khung Bông 7	1210	1190	Mét vuông	1	1	3.300.000	4.751.670
	Khung Bông 8	1210	1190	Mét vuông	1	1	3.300.000	4.751.670
	Khung Bông 9	1120	1190	Mét vuông	1	1	3.300.000	4.398.240
18	Rai 1	1800		Mét tới	1,8	1	800.000	1.440.000
	Rai 2	1810		Mét tới	1,81	1	800.000	1.448.000
	Rai 3	2520		Mét tới	2,52	1	800.000	2.016.000
	Rai 4	2360		Mét tới	2,36	1	800.000	1.888.000
	Rai 5	2410		Mét tới	2,41	1	800.000	1.928.000
	Rai 6	2520		Mét tới	2,52	1	800.000	2.016.000
	Rai 7	1810		Mét tới	1,81	1	800.000	1.448.000
	Rai 8	1700		Mét tới	1,7	1	800.000	1.360.000
	Rai 9	1810		Mét tới	1,81	1	800.000	1.448.000
TỔNG CỘNG							250.754.846	
ĐƯA TRƯỚC							100.000.000	
CÒN LẠI							150.754.846	